

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động SXKD từ 20/11/2018 đến 31/12/2019.

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

Căn cứ theo Điều 7 Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 16/01/2019 “ *Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty cổ phần được tính bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm 2018 đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán năm theo quy định*”. Như vậy niên độ tài chính kế toán đầu tiên của Công ty cổ phần cà phê Ea Pók bắt đầu từ 20/11/2018 đến hết ngày 31/12/2019.

Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung tại ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Ea Pók xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ 20/11/2018 đến 31/12/2019 cụ thể như sau:

1. Ngành cà phê:

a. Công tác trồng trọt và sản xuất cà phê quả tươi niên vụ 2019-2020:

Công ty hiện có 385,91 ha được giao khoán ổn định đến từng hộ gia đình nhận khoán theo từng chu kỳ sản xuất. Tổng sản lượng phân cứng cà phê quả tươi niên vụ 2019-2020 của Công ty thu được 1.341.547 kg/1.386.850 kg kế hoạch sản lượng, đạt 96,73% KH đề ra, giảm 107.075 kg cà phê quả tươi so với niên vụ trước liền kề.

Năm 2019, tổng diện tích được tưới là 1.227 ha; bình quân mỗi ha được tưới 3,2 lần/năm; Tổng chi phí tưới là 3.396.613.549 đồng, bình quân 2.659.609 đồng/ha/ lần tưới, trong đó: Tổng chi phí tưới điện là 2.715.746.138 đồng, bình quân chi phí tưới điện là 2.478.685 đồng/ha/lần tưới. Tổng chi phí tưới dầu tại vùng 13 và vùng 21 ha đội 2 là 392.202.364 đồng, bình quân chi phí tưới dầu là 4.792.892 đồng/ha/lần tưới.

Đầu tư phân hóa học bón cho vườn cà phê 03 lần bón là 415.725 kg hết tổng chi phí là 2.610 triệu đồng. Đầu tư phân vi sinh cho vườn cà phê xấu với tổng chi phí 325 triệu đồng. Đầu tư chi phí trồng dặm ghép cải tạo cà phê hết 230 triệu đồng. Công ty chủ động hơn trong công tác phòng chống dịch bệnh trên vườn cây, tổng chi phí thuốc BVTV là 335 triệu đồng.

Năm 2019 Công ty thanh lý 16,41 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp, kinh doanh lỗ, trong đó: 7,75ha vùng 40 ha đội 3; 6,65 ha vùng 9,4 ha và 2,01 ha vùng 87 đội 1.

Về công tác thu hoạch và bảo vệ sản phẩm cà phê niên vụ 2019-2020: Tổng sản lượng cà phê giao khoán niên vụ 2019-2020 là 2.938.482 kg, trong đó phần cứng Công ty là 1.386.850kg, phần cứng người lao động là 1.551.632 kg. Sản lượng thực thu phần cứng công ty là 1.341.547 kg, đạt 96,7% kế hoạch sản lượng.

b. Công tác thu mua, tiêu thụ cà phê

Năm 2019 Công ty tiêu thụ được 2.178 tấn cà phê thành phẩm đạt 108.93% so với kế hoạch. Trong đó sản lượng cà phê từ nguồn sản xuất 322 tấn; thu mua 1.856 tấn cà phê.

Doanh thu từ việc tiêu thụ cà phê đạt 78.264 triệu đồng với giá bán bình quân 35.934 đồng/kg. Cơ cấu tiêu thụ cà phê thành phẩm như sau:

Diễn giải	Số lượng (tấn)	Doanh thu trong năm		Đơn giá (đồng/kg)
		Thành tiền (USD)	Thành tiền (triệu đồng)	
Xuất khẩu trực tiếp	1.074	1.596.014	37.038	34.455
Bán nội địa	1.104		41.226	37.352
Cộng	2.178	1.258.693	78.264	35.934

Lợi nhuận từ ngành cà phê là lỗ 7.335 triệu đồng, trong đó: cà phê sản xuất lỗ 5.323 triệu đồng, cà phê thu mua lỗ 2.012 triệu đồng.

2. Ngành chăn nuôi:

Đàn bò tồn đầu kỳ là 498 con, bò bán ra trong kỳ là 182 con, bò đẻ ra trong kỳ là 120 con, bò chết trong kỳ là 04 con, mua 01 con, gia công chuyển về là 09 con, tồn tại tại ngày 31/12/2019 là 442 con, trọng lượng 95.381 kg. Trong đó: bò đực giống 4 con, trọng lượng 2.455kg; bò cái sinh sản là 142 con, trọng lượng 43.695 kg; bò cái hậu bị 30 con, trọng lượng 8.742 kg; bê cái tách mẹ 107 con, trọng lượng 18.307kg; bê đực tách mẹ 81 con, trọng lượng 13.329 kg; bê cái theo mẹ 32 con, trọng lượng 1.968 kg; bê đực theo mẹ 29 con, trọng lượng 1760 kg; bò gia công nhập về 7 con, trọng lượng 1.271 kg; bò sữa cái sinh sản 7 con, trọng lượng 3.383 kg; bê tơ lờ sữa 3 con, trọng lượng 471 kg.

Công tác phối giống thực hiện 152 lần/101 lần kế hoạch, vượt 50,5%

Số bê sinh ra trong kỳ 120 con/116 con, đạt 103% so với kế hoạch. Tăng trọng đạt 37,9 tấn/29,9 tấn, đạt 126,7% so với kế hoạch.

Bán giống, bán thịt 143 con; trọng lượng xuất bán 43.065,99kg/50.846 kg, đạt 84,7% so với kế hoạch; doanh thu 2.651 triệu đồng/3.279 triệu đồng, đạt 80,8% so với kế hoạch.

Khai thác sữa bò tươi được 4.204 lít, tiêu thụ 2.240 lít, doanh thu đạt 32 triệu đồng.

Khai thác sản phẩm phụ ngành chăn nuôi 434 tấn phân bò, trong đó chuyển sản xuất phân vi sinh là 320 tấn trị giá 640 triệu đồng, bán tiêu thụ được 94 tấn, thu tiền về là 188 triệu đồng. Tổng doanh thu ngành Chăn nuôi là 2.871 triệu đồng đạt 70,63% so với kế hoạch.

3. Công tác sản xuất, phân bón hữu cơ vi sinh:

Chuẩn bị nguồn nguyên liệu từ sản xuất nông nghiệp là vỏ trấu cà phê và nguồn phân bò sản phẩm phụ của ngành chăn nuôi, sản xuất được 593 tấn phân vi sinh hữu cơ vi sinh, để đầu tư thâm canh vườn cà phê trồng mới, đầu tư cà phê xấu, trồng dặm và đồng cỏ phục vụ chăn nuôi. Tổng chi phí sản xuất 809 triệu đồng.

4. Kết quả sản xuất kinh doanh toàn công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2018 đến 19/11/2018	Từ 20/11/2018 đến 31/12/2019	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	107.528.903.168	98.207.095.046	91
2	Doanh thu thuần	48.788.045.981	81.970.313.075	168
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.983.283.063	-7.617.334.062	-384
4	Lợi nhuận khác	889.444.352	-480.263.411	-54
5	Lợi nhuận trước thuế	2.872.727.415	-8.097.597.473	-282
6	Lợi nhuận sau thuế	2.260.538.840	-8.097.597.473	-358

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 20/11/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tỷ lệ %
A	Tổng tài sản	107.528.903.168	98.207.095.046	91,33
I	Tài sản ngắn hạn	27.799.714.103	26.677.632.765	95,96
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.526.405.914	43.539.945	2,85
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.693.660.981	6.592.624.218	85,69
	<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>4.747</i>	<i>4.222</i>	<i>88,94</i>
3	Hàng tồn kho	16.990.168.672	18.843.907.968	110,91
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.589.478.536	1.197.560.634	75,34
II	Tài sản dài hạn	79.729.189.065	71.529.462.281	89,72
1	Tài sản cố định	76.508.275.439	67.839.932.330	88,67
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.562.535.471	2.046.913.293	131
3	Tài sản dài hạn khác	1.658.378.155	1.642.616.658	99,05
B	Tổng nguồn vốn	107.528.903.168	98.207.095.046	91,33
III	Nợ phải trả	13.644.199.899	12.419.692.519	91,03
1	Nợ ngắn hạn	12.435.842.899	11.001.335.519	88,46
3	Nợ dài hạn	1.208.357.000	1.418.357.000	117,38
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	93.884.703.269	85.787.402.527	91,38

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ %
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,24	2,42	108,48
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,87	0,71	81,92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số Nợ	0,13	0,13	99,67
+	Hệ số Vốn chủ sở hữu	0,15	0,13	91,03
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	2,87	4,35	151,49
+	Doanh thu thuần trên tổng tài sản	0,45	0,83	183,96
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+	Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	0,05	-0,10	-
+	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,02	-0,09	-
+	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,02	-0,08	-
+	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần	0,04	-0,09	-

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 81.970 triệu đồng, thu nhập từ hoạt động tài chính 150 triệu đồng, thu nhập khác 824 triệu. Tổng doanh thu là 82.944 triệu đồng/84.943 triệu đồng đạt 98,6% kế hoạch năm 2019.

Chi phí giá vốn hàng bán 82.078 triệu đồng, Chi phí quản lý là 5.259 triệu đồng, chi phí bán hàng 1.782 triệu đồng, chi phí lãi vay là 618 triệu đồng, chi phí khác 1.305 triệu đồng. Tổng chi phí là 91.042 triệu đồng/84.720 triệu đồng đạt 107,4%.

Lợi nhuận trước thuế: **lỗ 8.098 triệu đồng.**

Nguyên nhân lỗ:

Thứ nhất: Ngành cà phê sản xuất là lỗ 5.323 triệu đồng là do chi phí khấu hao sau cổ phần hóa tăng đột biến, từ 1.700 triệu đồng/ năm tăng lên 8.273 triệu đồng/năm. Đặc biệt là giá trị nguyên giá của vườn cây cà phê tăng từ 9.200 triệu đồng lên 60.937 triệu đồng, khấu hao vườn cây tăng từ 242 triệu đồng/năm lên 4.782 triệu đồng/năm. Dẫn đến giá thành các sản phẩm đồng loạt tăng, đặc biệt là giá thành cà phê sản xuất tăng từ 24.752 đồng/kg lên 39.246 đồng/kg, giá bán điểm hòa vốn mỗi kg cà phê nhân xô là 56.735 đồng/kg. Như vậy, cứ tiêu thụ 1 kg cà phê nhân xô từ sản xuất Công ty lỗ 16.507 đồng/kg.

Thứ hai: Ngành thu mua – xuất khẩu cà phê lỗ 2.012 triệu đồng, chủ yếu là do lỗ từ xuất khẩu. Giá bán bình quân xuất khẩu thấp hơn giá bán nội địa từ 1.778 đồng/kg, trong khi chi phí xuất khẩu 1 kg cà phê nhân xô cao hơn chi phí tiêu thụ nội địa là 1.598 đồng/kg. Nguyên nhân giá bán xuất khẩu thấp là do Công ty ký đồng loạt hợp đồng xuất khẩu sớm (tháng 2/2019) số lượng hơn 700 tấn, giá cộng 135-140 USD. Do giá thị trường Lon Don liên tục sụt giảm từ 1.700 USD/tấn xuống còn 1.250 USD/tấn dẫn đến giá trừ lùi thay đổi: thời điểm giá thị trường London 1.700 USD/tấn thì giá Rxô trong nước bằng giá thị trường London trừ 120 USD/tấn; thời điểm giá thị trường London xuống thấp mức 1.300 USD/tấn giá Rxô thị trường nội địa bằng giá thị trường London cộng 180 USD/tấn. Dẫn đến cứ bán

1 kg cà phê xuất khẩu thì lỗ 300 USD/tấn (= 120 USD + 180 USD). Và đây cũng là vấn đề chung của tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê vụ 2018-2019 nói chung. Doanh nghiệp nào xuất khẩu càng nhiều thì lỗ càng lớn. Mặt khác, trong năm 2019, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, nên chưa huy động được nguồn vốn vay ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Có một số thời điểm Công ty không thể chủ động nguồn hàng cũng như chốt giá bán hợp đồng xuất khẩu, công tác dự báo diễn biến giá thị trường thiếu chính xác. Sau thời điểm tháng 06 năm 2019 tất cả hợp đồng xuất khẩu đều bị tình trạng Stop lost, hạn giao hàng đến tháng 09 là phải giao nhưng phải đến tháng 01/2020 mới giao hết hàng xuất khẩu năm 2019.

Thứ ba: Ngoài nguyên nhân lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cà phê ra, thì còn nguyên nhân nữa là trong tháng 2/2019 Công ty có thanh lý 16,5 ha cà phê đã quá già cỗi, không còn khả năng khai thác. Số diện tích cà phê này tuổi đời đã trên 30 năm, giá trị hết giá trị còn lại. Tuy nhiên, khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa kéo theo 16,5 ha cà phê này được đánh giá lại là 1.015 triệu đồng. Khi thanh lý giá trị thu hồi về là 520 triệu đồng, dẫn đến lỗ 495 triệu đồng.

Đó là 03 nguyên nhân chính dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ trên 8 tỷ đồng. Đây cũng là những khó khăn chung của tất cả các Công ty cà phê nói chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sau cổ phần hóa.

Bước đầu sau chuyển đổi Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao năng lực quản lý để đưa ra những chủ trương thích hợp phát huy tối đa lợi thế hiện có của doanh nghiệp; gắn kết việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho bộ máy với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; mạnh dạn chuyển dịch, thay đổi cơ cấu cây trồng; tăng cường trồng xen trong vườn cây cà phê; phát huy tối đa lợi thế 120 ha đất trồng để thực hiện giảm lỗ cho ngành trồng trọt; Duy trì và phát huy chất lượng, uy tín và thương hiệu cà phê chất lượng cao của Công ty; tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường vì đây là bước đệm để đưa sản phẩm cà phê đến với khách hàng; đưa dần tiến bộ khoa học công nghệ vào ngành chăn nuôi; mạnh dạn chuyển đổi dần từ mô hình nuôi bò sinh sản để bán giống sang kết hợp mua bò vỗ béo để bán thịt.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty trong niên độ kế toán đầu tiên của Công ty khi chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Cảm ơn Đại hội đồng cổ đông đã chú ý lắng nghe. Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

**CTY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trịnh Ngọc Nê